

Số: 1130/QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo tại
Trường Đại học Hồng Đức năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị Định số 86/2015/NĐ – CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định về chế độ thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về quy định mức thu, sử dụng học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/05/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức năm học 2018-2019 (có phụ lục kèm theo). Chính sách miễn, giảm học phí được tính theo mức học phí của ngành và hệ tương đương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh TH, Kho bạc tỉnh,
- Sở tài chính TH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.KHTC. ✓



Nguyễn Mạnh An

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC NĂM HỌC 2018-2019**
(Ban hành kèm theo QĐ số 1130 /QĐ – ĐHHD, ngày 24 / 7 /2018 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Bậc, nhóm ngành, nghề, chuyên ngành đào tạo	Mức thu học phí
I	Mức thu học phí hệ chính quy:	
1	Đại học (Mức thu/SV/tín chỉ)	
1.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	188.000 đ
1.2	Khối KHTN, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, Ngoại ngữ	223.000 đ
2	Cao đẳng (Mức thu/SV/tín chỉ)	
2.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	108.000 đ
2.2	Khối KHTN, công nghệ, Ngoại ngữ	128.000 đ
3	Trung cấp (Mức thu/HIS/tháng)	
3.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	285.000 đ
4	các lớp ngắn hạn: Theo thỏa thuận giữa người học và nhà trường	
5	Thạc sĩ (Mức thu/HV/tháng)	
5.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	847.000 đ
5.2	Khối KHTN, kỹ thuật, công nghệ	1.005.000 đ
6	Tiến sĩ (Mức thu/HIV/tháng)	
6.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	1.412.000 đ
6.2	Khối KHTN, kỹ thuật, công nghệ	1.675.000 đ
II	Mức thu học phí hệ giáo dục thường xuyên:	
1	Đại học	
	Theo tín chỉ (Mức thu/SV/tín chỉ)	
1.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	282.000 đ
1.2	Khối KHTN; Tin học; Ngoại ngữ	334.000 đ
	Theo niên chế (Mức thu/SV/tháng)	
1.1	Khối Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, lâm, Thủy sản	847.000 đ
1.2	Khối KHTN; Tin học; Ngoại ngữ	1.005.000 đ
2	Cao đẳng (Mức thu/SV/tín chỉ)	
	Theo tín chỉ (Mức thu/SV/tín chỉ)	
2.1	Khối Kinh tế; Khoa học xã hội	162.000 đ
	Theo niên chế (Mức thu/SV/tháng)	
2.1	Khối Kinh tế; Khoa học xã hội	487.500 đ
III	Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non: (Mức thu/cháu/tháng)	
1	Không bán trú	150.000 đ
2	Có bán trú	195.000 đ